TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2020/DS-ST
Ngày: 28-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thanh L, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: cao ốc Phúc Thịnh, đường Đ, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: đường S, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 10/11/2017 bà Nguyễn Thị X có nhận của bà Trần Thanh L số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và bà X thế chấp cho bà L căn nhà đường S, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng do bà X không có giấy tờ nguồn gốc sở hữu đối với căn nhà trên nên bà L cùng bà X thống nhất

đến Văn phòng công chứng Quận G để ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 019225, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/11/2017, theo đó bà L cho bà X vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng công chứng; vay không lãi suất. Thực hiện hợp đồng vay tiền nêu trên thì ngày 10/11/2017 bà L đã giao và bà X đã nhận 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và bà X ký xác nhận còn lại 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, đến ngày 30/11/2017 thì bà L giao cho bà X nốt số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và bà X đã ký xác nhận số tiền này. Tuy nhiên, đến ngày 10/11/2019 bà L đã nhiều lần liên hệ với bà X để yêu cầu bà X trả nợ số tiền vay nêu trên nhưng bà X không trả, sau đó bà L cũng không liên lạc được với bà X nên bà L đã khởi kiện bà X ra Tòa án để yêu cầu bà X thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận.

Nay, bà Trần Thanh L yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả số tiền nợ 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Bị đơn - Bà Nguyễn Thị X: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Bà Trần Thanh L khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: đường S, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà L đòi bà X trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì bà L và bà X thỏa thuận ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 019225, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/11/2017, theo đó bà L cho bà X vay số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu), thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng công chứng; vay không lãi suất. Thực hiện hợp đồng vay tiền nêu trên thì ngày 10/11/2017 bà L đã giao và bà X đã nhận 200.000.000 đồng và hai bên ký xác nhận còn lại 50.000.000 đồng, đến ngày 30/11/2017 bà L đã giao cho bà X nốt số tiền 50.000.000 đồng và bà X đã ký xác nhận số tiền này. Như vậy, bà L đã giao tổng số tiền vay là 250.000.000 đồng cho bà X. Xét hợp đồng vay tiền nêu trên là sự thỏa thuận của hai bên và bà Liên đã giao đủ số tiền vay cho bà X là giao dịch hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464 và 465 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Theo nguyên đơn trình bày thì đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền đã vay, hồ sơ cũng không có tài liệu, chứng cứ để xác định bị đơn đã trả tiền vay cho nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của nguyên đơn được thừa nhận.

[8] Do đó, có cơ sở xác định bà X còn nợ bà L số tiền vay là 250.000.000 đồng nên yêu cầu của bà L đòi bà X trả số tiền nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[10] Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[11] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 250.000.000 đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh L:

Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Trần Thanh L ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (Mười hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Bà Trần Thanh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.250.000 (Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0032669 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Dung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Dương